

Số: **21** /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày **08** tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Quy hoạch phát triển giáo dục phổ thông và mầm non
thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2005 và Luật Giáo dục sửa đổi bổ sung năm 2009 cùng các quy định của pháp luật liên quan;

Xét Tờ trình số 233/TTr-UBND ngày 09/11/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thông qua Quy hoạch phát triển giáo dục phổ thông và mầm non thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch phát triển giáo dục phổ thông và mầm non thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 *(Kèm theo Đề án quy hoạch, phụ lục, bảng biểu, bản đồ)*, với những nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu chung

Xây dựng giáo dục Hải Phòng trở thành trung tâm giáo dục chất lượng cao hàng đầu vùng Duyên hải Bắc Bộ, luôn đứng trong tốp đầu của giáo dục cả nước. Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài gắn kết chặt chẽ với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng Hải Phòng trở thành thành phố Cảng xanh, văn minh, hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển bền vững.

Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, dạy tốt, học tốt, quản lý tốt; có cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế hệ thống giáo dục; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc.

2. Chỉ tiêu chủ yếu (Phụ lục1)

a. Giáo dục mầm non

- Đến năm 2020, tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ ra lớp là 35%; trẻ mẫu giáo 97%; trẻ mẫu giáo 5 tuổi là 99,90%. Huy động trẻ khuyết tật ở độ tuổi 3-5 tuổi ra lớp là 65%. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm còn dưới 7%.

- Đến năm 2025, tỷ lệ trẻ trong độ tuổi nhà trẻ ra lớp là 40%; trẻ mẫu giáo 100%. Huy động trẻ khuyết tật ở độ tuổi 3-5 tuổi ra lớp là 70%. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm còn dưới 5%.

- Đến năm 2030, tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ ra lớp là 50%; trẻ mẫu giáo 100%. Huy động trẻ khuyết tật ở độ tuổi 3-5 tuổi ra lớp là 75%. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm còn dưới 2%.

b. Giáo dục phổ thông

- Giáo dục tiểu học

+ Đến năm 2020 tỷ lệ huy động trẻ đi học đúng độ tuổi tiểu học (6-10 tuổi) đạt 99,8%. Tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày đạt 75%.

+ Đến năm 2025, huy động trẻ đi học đúng độ tuổi tiểu học (6-10 tuổi) đạt 99,9%. Tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày đạt 80%.

+ Đến năm 2030, tỷ lệ huy động trẻ đi học đúng độ tuổi (6-10 tuổi) đạt 100%. Tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ngày đạt 100%.

- Giáo dục trung học cơ sở

+ Đến năm 2020, tỷ lệ trẻ đi học đúng độ tuổi (11-14 tuổi) đạt 99,7%. Tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ ngày đạt 25%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào lớp 10 là 85%.

+ Đến năm 2025, tỷ lệ trẻ đi học đúng độ tuổi (11-14 tuổi) đạt 99,9%. Tỷ lệ học sinh đi học 2 buổi/ngày đạt 30%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào lớp 10 là 83 %.

+ Đến năm 2030, tỷ lệ học sinh học 2 buổi/ ngày đạt 35%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào lớp 10 là 80%.

- Giáo dục trung học phổ thông

+ Đến năm 2020, tỷ lệ thanh thiếu niên đi học đúng độ tuổi đạt 99%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông 98,5%. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 40%.

+ Đến năm 2025, 2030 tỷ lệ thanh thiếu niên đi học đúng độ tuổi đạt 99%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 99%.

- Giáo dục thường xuyên

Đến năm 2020 đạt tỉ lệ 100% thanh thiếu niên trong độ tuổi được học chương trình trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên và tương đương.

c. Mạng lưới trường học

Số trường cần bổ sung giai đoạn 2016-2030 là: 102 trường mầm non; 17 trường tiểu học; 01 trường tiểu học và trung học cơ sở; 13 trường trung học cơ sở; 08 trường trung học phổ thông (bao gồm cả trường công lập và ngoài công lập); xây dựng 03 trường liên cấp quốc tế.

d. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

- Đến năm 2020, tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp: Giáo viên mầm non là 97%; Giáo viên phổ thông và giáo dục thường xuyên là 100%.

- Đến năm 2025, 2030 tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở các cấp học, ngành học là 100%.

đ. Nguồn vốn thực hiện quy hoạch. (Phụ lục 2)

Nguồn vốn thực hiện quy hoạch bao gồm: Nguồn vốn ngân sách sự nghiệp; nguồn vốn ngân sách đầu tư phát triển và nguồn vốn huy động ngoài ngân sách.

Tổng nguồn vốn (cả giai đoạn 2016-2030) là: **151.167** tỷ đồng

Trong đó:

+ Vốn ngân sách: **119.665** tỷ đồng

+ Vốn huy động ngoài ngân sách: **31.502** tỷ đồng

e. Diện tích đất để thực hiện quy hoạch (Phụ lục 3).

Diện tích đất dành cho giáo dục phổ thông và mầm non đến năm 2030 là: **605,361** ha, trong đó đất đang sử dụng là **421,487** ha; đất cần bổ sung là **183,874** ha.

3. Định hướng phát triển

Chú trọng giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo để thanh thiếu niên thành phố Hải Phòng trở thành những công dân tốt, có tư duy độc lập, hiểu biết tự nhiên, yêu quý môi trường sinh thái, tôn trọng người khác, có trách nhiệm công dân, phát triển năng lực thích ứng khoa học - công nghệ, có khả năng hội nhập quốc tế góp phần xây dựng thành phố thông minh, văn minh, hiện đại.

Bố trí đủ các nhà trẻ, mẫu giáo, trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông cho các khu dân cư thành phố. Mở rộng diện tích đất nhằm đảm bảo tầm nhìn đến năm 2030 có đủ diện tích phục vụ các hoạt động giáo dục toàn diện theo quy chuẩn quốc gia. Bố trí đủ lực lượng nhà giáo và người làm việc trong ngành giáo dục, đảm bảo theo các quy định hiện hành của pháp luật, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.

4. Các nhóm giải pháp thực hiện quy hoạch (Phụ lục 5)

a. Nhóm giải pháp về thông tin, tuyên truyền, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, sự giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp và sự quản lý, điều hành của chính quyền nhằm thực hiện có hiệu quả Quy hoạch.

b. Nhóm giải pháp về xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo hướng chuẩn hoá, nâng cao chất lượng, đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu.

c. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, chất lượng học sinh giỏi quốc gia, quốc tế.

d. Nhóm giải pháp tăng cường chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, mô hình trường tiên tiến hội nhập quốc tế của thành phố Hải Phòng.

đ. Nhóm giải pháp đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực để phát triển giáo dục. Xây dựng mạng lưới hỗ trợ phát triển giáo dục giữa cộng đồng với nhà trường và giữa các nhà trường để thực hiện giáo dục toàn diện học sinh.

e. Nhóm giải pháp mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, tổ chức công bố công khai Quy hoạch và tổ chức quản lý triển khai Quy hoạch; xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 08/12/2017./

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH; Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH)
- Bộ GD&ĐT;
- TT TU; TT HĐND; UBND TP;
- Đoàn đại biểu Quốc hội HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Các đại biểu HĐND TP khóa XV;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH HP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận/huyện;
- CVP; các PCVP HĐND TP;
- Báo HP; Đài PT&TH HP;
- Công báo TP; Cổng TTĐTTP (để đăng);
- Các CV VP HĐND TP;
- Lưu: VT, Hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Thành

PHỤ LỤC 1
CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2017)

1. Các chỉ tiêu phát triển giáo dục mầm non

TT	Chỉ số	Đến năm 2020	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	Tỷ lệ huy động trong độ tuổi (%)			
	Nhà trẻ	35	40	50
	Mẫu giáo	97	100	100
	Mẫu giáo 5 tuổi	99,90	100	100
	Huy động trẻ khuyết tật ở độ tuổi 3-5 ra lớp (%)	65	70	75
2	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng (thể nhẹ cân)	<7%	<5%	<2%
3	Số trẻ/nhóm lớp			
	Nhà trẻ	20	15	15
	Mẫu giáo	30	30	30
4	Tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	50%	60%	70%
5	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp			
	Nhà trẻ	97%	100%	100%
	Mẫu giáo	99,5%	100%	100%
6	Tỷ lệ trẻ học 2 buổi/ngày	100%	100%	100%

2. Các chỉ tiêu phát triển giáo dục tiểu học

TT	Chỉ số	Đến năm 2020	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	Tỷ lệ huy động đúng độ tuổi	99,8%	99,9%	100%
2	Tỷ lệ trẻ 6 tuổi đi học lớp 1	99,8%	99,9%	100%
3	Học sinh tiểu học vào lớp 6	99,8%	99,9%	100%
4	Tỷ lệ học sinh đi học 2 buổi/ngày	75%	80%	100%
5	Kết quả đánh giá về năng lực, phẩm chất từ mức “Đạt” trở lên	99,90%	99,93%	99,95%
6	Kết quả đánh giá về học tập từ mức	99,92%	99,93%	99,95%

	“Hoàn thành” trở lên			
7	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	75%	85%	90%
8	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp	100%	100%	100%
9	GV/lớp	1,5	1,5	1,5

3. Các chỉ tiêu phát triển giáo dục trung học cơ sở

TT	Chỉ số	Đến năm 2020	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	Tỉ lệ huy động HS trong độ tuổi 11-14	99,7%	99,9%	99,9%
2	Tỷ lệ trẻ 11 tuổi đi học lớp 6	99,70%	99,90%	99,90%
3	Học sinh tốt nghiệp THCS vào lớp 10	85%	83%	80%
4	Xếp loại hạnh kiểm từ mức trung bình trở lên	99,97%	99,98%	99,99%
5	Xếp loại học lực từ mức trung bình trở lên	99,0%	99,2%	99,5%
6	Tỷ lệ HS đi học 2 buổi/ngày	25%	30%	35%
7	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	50%	60%	70%
8	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp	100%	100%	100%
9	GV/lớp	1,90	1,90	1,90

4. Các chỉ tiêu phát triển giáo dục trung học phổ thông

TT	Chỉ số	Đến năm 2020	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	Tỉ lệ nhập học THPT và tương đương đúng tuổi	99%	99%	99%
2	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	40%	50%	65%
3	Xếp loại hạnh kiểm từ mức trung bình trở lên	99,85%	99,90%	99,92%
4	Xếp loại học lực từ mức trung bình trở lên	98,70%	99,0%	99,2%
5	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp	100%	100%	100%
6	GV/lớp	2,25	2,25	2,25

5. Định hướng phát triển trường học mầm non, phổ thông thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016-2030

TT	Cấp học	Số trường học các cấp				Số trường tăng thêm từng giai đoạn			
		2015-2016	2019-2020	2024-2025	2029-2030	2017-2020	2021-2025	2026-2030	Tổng giai đoạn 2016-2030
	TỔNG SỐ	788	817	862	932	29	45	70	144
1	Mầm non	317	339	371	419	22	32	48	102
	<i>Trong đó CL</i>	242	250	260	270	8	10	10	28
	<i>NCL</i>	75	89	111	149	14	22	38	74
2	Tiểu học	215	218	222	232	3	4	10	17
	<i>Trong đó CL</i>	215	218	222	229	3	4	7	14
	<i>NCL</i>	0	0	0	3	0	0	3	3
3	THCS	184	186	191	197	2	5	6	13
	<i>Trong đó CL</i>	184	186	191	194	2	5	3	10
	<i>NCL</i>	0	0	0	3	0	0	3	3
4	TH&THCS	12	12	12	13	0	0	1	1
	<i>Trong đó CL</i>	11	11	11	12	0	0	1	1
	<i>NCL</i>	1	1	1	1	0	0	0	0
5	THPT	54	55	58	62	1	3	4	8
	<i>Trong đó CL</i>	39	39	39	39	0	0	0	0
	<i>NCL</i>	15	16	19	23	1	3	4	8
6	TH&THPT	1	1	1	1	0	0	0	0
	<i>Trong đó CL</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>NCL</i>	1	1	1	1	0	0	0	0
7	THCS&THPT	1	1	1	1	0	0	0	0
	<i>Trong đó CL</i>	1	1	1	1	0	0	0	0
	<i>NCL</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Đa cấp	2	2	2	2	0	0	0	0
	<i>Trong đó CL</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>NCL</i>	2	2	2	2	0	0	0	0
9	Liên cấp quốc tế	0	1	2	3	1	1	1	3
	<i>Trong đó CL</i>	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>NCL</i>	0	1	2	3	1	1	1	3
10	Chuyên biệt	2	2	2	2	0	0	0	0

PHỤ LỤC 2
BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU NGUỒN VỐN THỰC HIỆN QUY HOẠCH
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ MẦM NON THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2017)

1. Nhu cầu chi ngân sách cho giáo dục và đào tạo

T T	Chi tiêu	ĐV	Phương án 2 (Tăng trưởng khá – PA chọn)			
			2016	2020	2025	2030
1	GDP (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	67.351	114.289	210.569	379.453
	<i>Tốc độ tăng GDP</i>	%/năm	<i>11</i>	<i>BQGD 2016-2020 là 13.5</i>	<i>BQGD 2021-2025 là 13</i>	<i>BQGD 2026-2030 là 12.5</i>
2	Tổng chi NSNN thành phố	Tỷ đồng	25.693	29.429	50.536	91.068
3	Tổng chi toàn xã hội cho GD (4+5)	Tỷ đồng	4.742	6.135	10.739	19.351
4	Chi NSNN cho sự nghiệp giáo dục	Tỷ đồng	3.717	4.663	8.591	15.481
	Tỉ lệ chi NSNN cho giáo dục trong tổng chi NSNN thành phố		14,4%	15,8%	16,9%	16,9%
	Chi thường xuyên	Tỷ đồng	3.179	3.863	6.873	12.385
	Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng	538	800	1.718	3.096
5	Chi xã hội cho GD	Tỷ đồng	1.025	1.472	2.148	3.870

2. Nhu cầu chi thường xuyên cho giáo dục phổ thông và mầm non theo cấp học

TT	Chi tiêu	ĐV tính	2016	2020	2025	2030
	Dự báo nhu cầu CTX theo cấp học	Tỷ đồng	3.179	3.863	6.873	12.385
1	Mầm non	Tỷ đồng	796	907	1623	2875
2	Tiểu học	Tỷ đồng	1216	1496	2381	4385
3	THCS	Tỷ đồng	853	1118	2141	3822
4	THPT	Tỷ đồng	293	319	700	1255
5	GDTX	Tỷ đồng	21	23	28	48
	Chi thường xuyên bình quân 1 HS					
1	Mầm non	Triệu đồng	8.7	9.2	15.7	26.5
2	Tiểu học	Triệu đồng	8.4	8.8	13.5	24.0

3	THCS	Triệu đồng	9.3	9.7	16.5	28.5
4	THPT	Triệu đồng	6.8	7.4	12.5	22.0
5	GDTX	Triệu đồng	4.8	5.3	6.5	9.0

3. Nhu cầu xây mới và cải tạo, sửa chữa, mở rộng trường công lập các cấp giai đoạn 2016-2030

TT	Bậc học	Tổng số trường xây mới	Số trường dự kiến xây dựng theo giai đoạn			Tổng số trường cải tạo	Số trường dự kiến Cải tạo theo giai đoạn		
			2016-2020	2021-2025	2026-2030		2016-2020	2021-2025	2026-2030
	Toàn TP	53	13	19	21	347	117	131	99
1	Mầm non	28	8	10	10	156	48	60	48
2	Tiểu học	14	3	4	7	85	31	31	23
3	TH&THCS	1	0	0	1				
4	THCS	10	2	5	3	91	33	35	23
5	THPT	0	0	0	0	15	5	5	5

4. Chi NSNN xây dựng và cải tạo, sửa chữa các trường phổ thông và mầm non công lập giai đoạn 2016-2030

Đơn vị: Tỷ đồng

Chi NSNN xây dựng và cải tạo, sửa chữa các trường phổ thông và mầm non công lập	2016-2020	2021-2025	2026-2030	Tổng GD 2016-2030
Xây mới	440	900	1200	2540
Cải tạo sửa chữa	814	1.154	1.158	3.126
Tổng cộng	1.254	2.054	2.358	5.666

5. Ngân sách nhà nước xây dựng trường công lập mới thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016-2030 chia theo cấp học.

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chi đầu tư XDCB	2016-2020	2021-2025	2026-2030	Tổng GD 2016-2030
1	Mầm non	240	400	500	1140
2	Tiểu học	120	200	420	740
3	TH&THCS	0	0	70	70
4	THCS	80	300	210	590

5	THPT	0	0	0	0
	Tổng cộng	440	900	1200	2540

6. Nguồn vốn huy động xã hội để xây mới các trường ngoài công lập thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016-2030

T T	Cấp học	Số trường tăng thêm từng giai đoạn				Kinh phí XD trường mới từ nguồn XHH (tỷ đồng)			
		2016 - 2020	2021 - 2025	2026 - 2030	Tổng GD 2016- 2030	2016- 2020	2021- 2025	2026- 2030	Tổng GD 2016- 2030
	Tổng số	16	27	49	92	570	1680	2720	4970
1	Mầm non	14	22	38	74	420	880	1900	3200
2	Tiểu học	0	0	3	3			180	180
3	THCS	0	0	3	3			210	210
4	THPT	1	3	4	8	50	180	280	510
5	Liên cấp quốc tế	1	1	1	3	100	120	150	370
6	Đại học đa ngành quốc tế	0	1	0	1		500		500

7. Kinh phí đầu tư mua sắm thiết bị trường học thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016-2030

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Kinh phí thiết bị	2016- 2020	2021- 2025	2026- 2030	Tổng GD 2016-2030
1	Mầm non	75.000	120.000	225.000	420.000
2	Tiểu học	60.000	100.000	180.000	340.000
3	THCS	60.000	120.000	225.000	405.000
4	THPT	22.500	50.000	60.000	132.500
	Cộng	217.500	390.000	465.225	1.297.500

8. Kinh phí đào tạo giáo viên thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016-2030

Đơn vị: Triệu đồng

T T	Đào tạo mới	2016- 2020	2021- 2025	2026- 2030	Tổng GD 2016- 2030
I	Số lượng (người)				
1	Giáo viên MN	2.348	1.196	1.568	5.112

2	Tiểu học	1.096	608	1.265	2.969
3	THCS	546	358	154	1.058
4	THPT	259	423	758	1.440
II	Đơn giá (triệu đồng /1GV/1 năm)				
1	Giáo viên MN	20	30	40	
2	Tiểu học	30	40	50	
3	THCS	40	50	60	
4	THPT	40	50	60	
II	Kinh phí đào tạo mới				
1	Giáo viên MN	46.960	35.880	62.720	145.560
2	Tiểu học	32880	24320	63250	120.450
3	THCS	21840	17900	9240	48.980
4	THPT	10360	21150	45480	76.990
	Cộng đào tạo mới	112.040	99.250	180.690	391.980

9. Kinh phí bồi dưỡng thường xuyên giáo viên thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016-2030

TT	Cấp học	2015-2016	2019-2020	2024-2025	2029-2030
I	Số lượng (người)				
1	Giáo viên MN	7.564	10.263	9.736	10.870
2	Tiểu học	6.827	7.923	7.962	8.163
3	THCS	5.183	5.729	6.087	6.240
4	THPT	3.662	3.821	3.996	4.338
II	Đơn giá (triệu đồng /1GV/1 năm)				
1	Giáo viên MN	2	3	5	7
2	Tiểu học	3	5	7	10
3	THCS	3	5	7	10
4	THPT	3	5	7	10
III	Kinh phí (tr.đồng)				
1	Giáo viên MN	15.128	30.789	48.680	76.090
2	Tiểu học	20.481	39.615	55.734	81.630
3	THCS	15.549	28.645	42.609	62.400
4	THPT	10.986	19.105	27.972	43.380
	Cộng	62.144	118.154	174.995	263.500

PHỤ LỤC 3

BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT THỰC HIỆN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ MẦM NON THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2017)

Nhu cầu quỹ đất xây mới, cải tạo, mở rộng trường mầm non, phổ thông thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016-2030

Bậc học	Diện tích đất hiện có (m2)	Tổng Diện tích đất cần bổ sung (m2)	Nhu cầu cải tạo sửa chữa		Nhu cầu diện tích đất thành lập trường mới (m2)
			Nhu cầu đất bổ sung (m2)	Số trường cải tạo, sửa chữa	
TỔNG CỘNG	4.214.868	1.838.745	1.105.745	347	733.000
Mầm non	551.393	578.652	170.652	156	408.000
Tiểu học	945.165	207.035	122.035	85	85.000
TH&THCS		3.000			3.000
THCS	778.435	250.562	138.562	91	112.000
THPT	609.375	154.496	74.496	15	80.000
GDNN&GDTX	52.000	3.137	3.137		
Trường chuyên biệt	12.985				
Trường cho khu tái định cư		15.000			15.000
Trường liên cấp quốc tế		30.000			30.000

PHỤ LỤC 4
DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN QUY HOẠCH
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ MẦM NON THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2017)

Đơn vị: Tỷ đồng

T T	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Vốn ngân sách	Vốn xã hội hóa	Phân kỳ thực hiện		
					2016- 2020	2021- 2025	2026- 2030
1	Xây dựng các trường mầm non	4.340	1.140	3.200	660	1.280	2.400
2	Xây dựng các trường tiểu học	920	740	180	120	200	600
3	Xây dựng các trường trung học cơ sở	870	660	210	80	300	490
4	Xây dựng các trường trung học phổ thông	510		510	50	180	280
5	Đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý cán bộ”	5	5		1	2	2
6	Đề án bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên ngành giáo dục và đào tạo Hải Phòng đáp ứng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo	391,98	391,98		112,04	99,25	180,69

	tạo						
7	Đề án “Về chuyển đổi một số trường công lập sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và xây dựng trường học chất lượng cao”.	0,5	0,5		0,5		
8	Đề án số hóa Bằng tốt nghiệp THPT, bổ túc THPT	5	5		2	2	1
9	Đề án “Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia”	7.960	5.560	2.400	2.200	2.200	3.560
10	Xây dựng trường liên cấp quốc tế	470		470	100	120	250
11	Xây dựng trường ĐH đa ngành quốc tế	500		500		500	
	Tổng	15.972,48	8.502,48	7.470	3.325,54	4.883,25	7.763,69

Tổng mức đầu tư:

15.972,48 tỷ đồng

Trong đó:

- NSNN:

8.502,48 tỷ đồng

- Huy động XHH:

7.470 tỷ đồng

PHỤ LỤC 5
CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG VÀ MẦM NON THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH
HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2017)

1. Nhóm giải pháp thông tin, tuyên truyền, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp và sự quản lý, điều hành của chính quyền nhằm thực hiện có hiệu quả Quy hoạch.

a) Công tác thông tin, tuyên truyền

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị đối với công cuộc đổi mới, phát triển giáo dục.

Tổ chức công bố, phổ biến nội dung Quy hoạch phát triển giáo dục phổ thông và mầm non thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 cho các cấp, các ngành, các địa phương và nhân dân trong thành phố.

Thực hiện việc đăng tải nội dung Quy hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền tới toàn thể cán bộ và nhân dân trên địa bàn thành phố về định hướng, quan điểm, mục tiêu phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo của thành phố nhằm nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước trong phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo; xác định phát triển giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và nhân dân, chăm lo cho thế hệ trẻ, chăm sóc sự học hành là trách nhiệm của tất cả mọi người, của tất cả các cấp các ngành, của mọi tầng lớp nhân dân.

Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền; tăng cường các chương trình, chuyên mục trên Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng, Báo Hải Phòng.

b) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp và sự quản lý, điều hành của chính quyền nhằm thực hiện có hiệu quả Quy hoạch và đổi mới giáo dục và đào tạo.

Căn cứ Quy hoạch phát triển giáo dục phổ thông và mầm non thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Căn cứ tình hình thực tiễn của từng địa phương, các cấp ủy Đảng xây dựng nghị quyết phát triển giáo dục và đào tạo, quy hoạch mạng lưới trường, lớp cho phù hợp với nhu cầu phát triển giáo dục của địa phương mình đồng thời giao trách nhiệm cho chính quyền tổ chức thực hiện quy hoạch dưới sự giám sát của Hội đồng nhân dân.

Công tác Đảng, công tác chính trị tư tưởng trong các trường học được đặc biệt coi trọng. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong phát triển giáo dục và đào tạo ở tất cả các cấp quản lý.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự giám sát của Hội đồng nhân dân, sự quản lý của chính quyền, sự phối hợp liên ngành trong công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và phân luồng học sinh sau THCS. Rà soát, bổ sung các văn bản về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; tăng cường chỉ đạo tổ chức tốt công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau phổ thông, đặc biệt phân luồng học sinh THCS để đảm bảo nguồn nhân lực tại chỗ có chuyên môn và tay nghề đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của thành phố.

Đẩy mạnh công tác chỉ đạo đổi mới toàn diện, mạnh mẽ giáo dục mầm non theo nguyên tắc bảo đảm sự đồng bộ, tiên tiến, phù hợp với đổi mới giáo dục phổ thông và có tác dụng tích cực nâng cao chất lượng giáo dục. Đảm bảo thực hiện các yêu cầu về phẩm chất, năng lực đối với học sinh trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Coi trọng hoạt động trải nghiệm sáng tạo, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận năng lực người học, đẩy mạnh hợp tác giữa các nhà trường và doanh nghiệp trong công tác định hướng nghề; có chính sách khuyến khích đối với học sinh sau THCS đi học nghề; phối hợp chặt chẽ giữa đào tạo và sử dụng lao động qua đào tạo. Yêu cầu các cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động phù hợp với trình độ và ngành, nghề đào tạo. Nghiên cứu phương thức tuyển sinh vào các trường đại học để hỗ trợ cho công tác phân luồng

c) Đổi mới quản lý cơ sở giáo dục, thực hiện triệt để phân cấp quản lý giáo dục

Thực hiện triệt để phân cấp quản lý giáo dục theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tăng cường cơ chế phối hợp quản lý. Các sở, ngành thành phố và quận, huyện có trách nhiệm phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục theo thẩm quyền, đưa hoạt động của các cơ sở giáo dục ngoài công lập vào nề nếp (kể cả quản lý các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài). Tăng cường công tác quản lý chất lượng, thanh tra, kiểm tra, giám sát các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục.

Quản lý các cơ sở giáo dục trên cơ sở “quản lý theo mục tiêu chất lượng”: Nhà trường phải “quản lý theo hướng dân chủ hoá”. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ sở giáo dục, thực hiện chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giáo dục. Hàng năm mọi lực lượng giáo dục nhà trường được công khai tham gia bàn bạc xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường. Cam kết thực hiện trách nhiệm cá nhân và các kế hoạch của năm học.

Quản lý tài chính của các trường/cơ sở giáo dục theo tinh thần “công khai minh bạch”, gắn với chịu trách nhiệm về kết quả đầu ra của nhà trường

Đổi mới cơ chế quản lý trong mỗi trường học, đó là một mô hình quản lý giáo dục dựa trên “Cơ chế quản lý của cộng đồng”. Làm rõ trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc duy trì nguồn lực tương ứng với lợi ích mà họ được hưởng. Cơ chế giám sát và xử lý do chính các thành viên thực hiện hay qua một người

được ủy quyền và chịu trách nhiệm trước cộng đồng. Các quyết định cùng được bàn luận và thông qua một cách dân chủ.

Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Tại các đơn vị, trường học phải công khai, minh bạch các khoản thu, công khai chỉ tiêu tuyển sinh, tiết kiệm chi tiêu, giảm bớt hội họp; thực hiện quy chế dân chủ ở trường học.

Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm định, đánh giá xếp loại đội ngũ giáo viên và học sinh, tạo động lực tích cực trong việc duy trì kỷ cương nề nếp trong dạy và học, trong thi cử tuyển sinh, trong bình xét phân loại và xếp loại thi đua, trong chấp hành và thực hiện thi đua. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với các cơ sở giáo dục trong việc tuân thủ pháp luật về giáo dục.

d) Thực hiện phân cấp quản lý, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho cơ sở, gắn với việc tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người đứng đầu trong các cơ sở trường học.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm của các cơ quan quản lý giáo dục địa phương trong quản lý tài chính, nhân sự và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục.

Tăng cường quản lý nhà nước bằng pháp luật trong lĩnh vực giáo dục, thực hiện quản lý theo quy hoạch, kế hoạch và theo mục tiêu chiến lược. Xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, phù hợp tình hình phát triển kinh tế-xã hội và nhu cầu phát triển giáo dục.

Tăng cường phân cấp quản lý và hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các ban, ngành và địa phương trong quản lý giáo dục theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền gắn với trách nhiệm và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nhằm đảm bảo tính thống nhất và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm của các cơ quan quản lý giáo dục địa phương trong quản lý tài chính, nhân sự và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục về chất lượng, tài chính, nhân sự, tổ chức và cơ chế hoạt động.

e) Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy học

Ngành Giáo dục và Đào tạo chủ động, sẵn sàng cho các phương án đổi mới chương trình, sách giáo khoa do Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng.

g) Đổi mới kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục

Xây dựng tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục độc lập, huy động các tổ chức xã hội và nghề nghiệp tham gia đánh giá giáo dục.

Công khai hoá về chất lượng giáo dục, nguồn lực cho giáo dục và tài chính của các cơ sở giáo dục, thực hiện giám sát xã hội đối với chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Tăng cường và đổi mới công tác quản lý, nâng cao nề nếp, trật tự kỷ cương, an ninh, an toàn trường học, giáo dục đạo đức, lối sống học sinh.

2. Nhóm giải pháp xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo hướng chuẩn hoá, nâng cao chất lượng, đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu

a) Sắp xếp, sử dụng, bổ sung, luân chuyển gắn với đổi mới công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Đẩy mạnh và đổi mới công tác đào tạo giáo viên và CBQLGD đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản giáo dục - đào tạo. Xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên, CBQLGD chất lượng cao, giáo viên dạy song ngữ các môn khoa học tự nhiên, đáp ứng tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế về giáo dục và đào tạo.

Phải đào tạo đủ số lượng và cơ cấu giáo viên để đón đầu về học sinh phổ thông trung học và trung học nghề, có quy định và chế độ luân phiên đi học bắt buộc đối với giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Tổ chức bồi dưỡng giáo viên, giảng viên dựa trên nhu cầu nâng cao năng lực theo chuẩn nghề nghiệp. Tăng cường hướng dẫn giáo viên, giảng viên tự bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và nghiên cứu khoa học.

Hàng năm bố trí cho 80% - 90% giáo viên, CBQLGD được đi học nâng cao trình độ và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để đạt 100% giáo viên và CBQLGD đạt chuẩn nghề nghiệp khá trở lên. Nâng cao chất lượng dạy học theo hướng phát triển năng lực sáng tạo của học sinh, đổi mới phương pháp dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng.

b) Thực hiện đổi mới toàn diện hệ thống đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQLGD thành phố Hải Phòng

Từng bước mở rộng và đảm bảo chất lượng việc đánh giá năng lực giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo chuẩn ở mọi cấp học và trình độ đào tạo.

Đảm bảo đến năm 2020 có đủ giáo viên thực hiện giáo dục toàn diện theo chương trình giáo dục phổ thông mới và các trường phổ thông dạy học 2 buổi/ngày. Triển khai chương trình đào tạo và từng bước thực hiện định biên giáo viên tư vấn, hướng nghiệp cho các loại trường, ưu tiên cho các trường trung học.

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên nòng cốt dạy song ngữ (tiếng Anh) các môn khoa học tự nhiên trong các trường THPT chuyên; trường chất lượng cao; đào tạo GV những bộ môn thiếu như thể dục, nhạc, họa (tiểu học), giáo viên quốc phòng, an ninh cho các cấp học.

Bồi dưỡng về chuẩn nghề nghiệp cho 100% giáo viên phổ thông, giáo viên trung tâm GDTX, giáo viên trung tâm *kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp* theo 3 lĩnh vực:

- Các yêu cầu thuộc lĩnh vực phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống.
- Các yêu cầu thuộc lĩnh vực kiến thức.
- Các yêu cầu thuộc lĩnh vực kỹ năng sư phạm.

Tiếp tục đầu tư bồi dưỡng để nâng cao chất lượng phong trào thi giáo viên giỏi các cấp. Vận động giáo viên và cán bộ quản lý tăng cường áp dụng các sáng kiến kinh nghiệm có giá trị trong quản lý, giảng dạy.

Khuyến khích, động viên giáo viên và cán bộ quản lý học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học; tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên của ngành được giao lưu, tiếp cận với các thành tựu, công nghệ, phương pháp giáo dục của các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới.

c) Xây dựng chính sách khuyến khích, tiếp tục bổ sung và hoàn thiện một số chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và CBQLGD

Có cơ chế thu hút nguồn giáo viên giỏi trong nước và quốc tế phục vụ cho giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng.

Có chính sách cụ thể để các giáo viên giỏi vươn lên, gắn bó với nghề, thực hiện tốt chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước, đặc biệt đối với giáo viên Trường THPT chuyên Trần Phú. Thực hiện luân chuyển cán bộ quản lý, giáo viên tạo sự đồng đều về chất lượng giáo dục; quản lý chặt chẽ việc thi tuyển hoặc xét tuyển giáo viên, nhân viên, đảm bảo chất lượng trong tuyển dụng giáo viên, nhân viên; xây dựng cơ chế chính sách để thay thế số giáo viên cao tuổi không đạt yêu cầu. Có chính sách đãi ngộ đối với nhà giáo, CBQLGD có thành tích cao, nhiều cống hiến cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo thành phố (Giáo viên dạy giỏi cấp thành phố, có học sinh giỏi quốc gia, quốc tế, có sáng kiến kinh nghiệm, đề tài khoa học và công nghệ có giá trị ứng dụng cao, tập thể, cá nhân có những sáng tạo trong giảng dạy và quản lý,...) bằng các hình thức: Tăng lương trước thời hạn, học tập, bồi dưỡng, tham quan nước ngoài,...

Thành phố ban hành chính sách thu hút, sử dụng, đào tạo khen thưởng tài năng trẻ và nguồn nhân lực chất lượng cao (sinh viên xuất sắc, thạc sĩ, tiến sĩ).

Bảo đảm chế độ học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, các danh hiệu tôn vinh nhà giáo cho giáo viên ngoài biên chế như trong biên chế. Đối với các huyện vùng sâu, vùng xa của thành phố Hải Phòng, CBQLGD và giáo viên được cử đi học sau đại học được giảm 50% số tiết giảng dạy; các đơn vị còn lại được giảm 30% số tiết giảng dạy theo quy định.

Tiếp tục thực hiện chế độ tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2015/NĐ-CP ngày 08/8/2015 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế. Đến năm học 2019-2020 không còn giáo viên dôi dư ở cấp THCS&THPT.

Thực hiện tốt Chương trình phát triển sư phạm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó củng cố các cơ sở đào tạo giáo viên của thành phố, tăng cường cơ sở vật chất các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng Nhà giáo và CBQLGD.

Thực hiện đổi mới công tác bồi dưỡng thường xuyên từ chương trình, tài liệu đến phương thức tổ chức bồi dưỡng theo chương trình Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành.

3. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, chất lượng học sinh giỏi quốc gia, quốc tế.

a) Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà

- Thực hiện Nghị quyết 29 của Trung ương về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, lý tưởng cách mạng cho học sinh, hình thành và phát triển ở học sinh 5 phẩm chất và 8 năng lực theo mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Các phẩm chất chủ yếu là: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện. Bảo đảm an ninh trật tự trong các đơn vị trường học. Tích cực phổ biến tuyên truyền giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh, hướng dẫn các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện các quy định có liên quan tới quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của người học.

- Rèn luyện phương pháp tự học, tự tiến bộ, học tập suốt đời và các năng lực, phẩm chất để chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Nâng cao chất lượng kỳ thi THPT quốc gia nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho thành phố và đất nước. Tăng cường giáo dục và định hướng nghề nghiệp cho học sinh, trang bị cho học sinh có những kỹ năng sáng tạo, đổi mới, kỹ năng giải quyết các vấn đề phức tạp, tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng học để lập nghiệp đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 thời kỳ của kỷ nguyên số.

- Tăng cường dạy tin học, ngoại ngữ phù hợp với từng cấp học, bậc học. Trong thời kỳ hội nhập, Hải Phòng có cơ hội giao lưu, hợp tác với các nước trong khu vực và quốc tế. Bên cạnh việc học tiếng Anh là chủ yếu như trước đây cần tăng cường dạy các ngoại ngữ như tiếng Nhật, tiếng Nga, tiếng Trung, tiếng Pháp theo cơ cấu hợp lý.

- Đề xuất đưa môn ngoại ngữ trở thành môn bắt buộc trong kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 nhằm nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ phù hợp với xu hướng hội nhập của thành phố

b) Đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia, quốc tế

- Giữ vững số lượng, chất lượng giải học sinh giỏi quốc gia trong top 3 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Phân đầu có học sinh vào vòng thi chọn đội tuyển quốc tế và có học sinh trong đội tuyển đi thi Olympic quốc tế đoạt huy chương.

- Đổi mới nội dung, hình thức thi, kì thi tuyển sinh vào lớp 10 Trường THPT chuyên Trần Phú theo hướng phát triển tư duy sâu, cập nhật thường xuyên định hướng đề thi học sinh giỏi quốc gia của Bộ GD&ĐT. Đổi mới cách xét tuyển vào các lớp chuyên. Đưa hình thức đánh giá các chỉ số IQ, EQ vào đánh giá vòng sơ tuyển theo quy chế trường chuyên. Điều chỉnh cơ cấu, tỉ trọng điểm và điểm tối thiểu đối với các bài thi chuyên khi học sinh đổ vào các lớp chuyên.

- Tổ chức sớm kì thi chọn đội tuyển thi học sinh giỏi quốc gia nhằm tạo điều kiện cho học sinh trong các đội tuyển có nhiều thời gian tập huấn, bồi dưỡng kiến thức. Chú trọng rèn luyện khả năng thực hành, khả năng sử dụng tiếng Anh cho học sinh. Có cơ chế khuyến khích học sinh trường THPT chuyên tích cực tham gia kì thi Duyên Hải Bắc Bộ, coi đây là kênh tham khảo quan trọng trong công tác phát hiện học sinh giỏi cho đội tuyển quốc gia, quốc tế.

- Tuyển chọn, thu hút học sinh giỏi vào học tại Trường THPT chuyên Trần Phú, nghiên cứu phương án mở hệ THCS trong trường THPT chuyên Trần Phú và tạo điều kiện cho các trường THCS trọng điểm tại các quận, huyện để tạo nguồn; nghiên cứu phương án cho mở thêm lớp chuyên Địa lý và lớp chuyên Lịch sử trong trường chuyên. Có cơ chế thu hút giáo viên giỏi, có kinh nghiệm về tham gia giảng dạy tại trường chuyên; thu hút chuyên gia, giáo sư từ các trường Đại học, các Vụ, Viện tham gia tập huấn các đội tuyển.

- Xây dựng cơ chế chính sách của thành phố phù hợp với yêu cầu thực tiễn theo từng giai đoạn cho công tác tuyển chọn, bồi dưỡng học sinh giỏi. Biểu dương khen thưởng kịp thời nhằm động viên thầy và trò có thành tích tốt trong công tác phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi.

4. Nhóm giải pháp tăng cường chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia, mô hình trường tiên tiến hội nhập quốc tế của thành phố Hải Phòng

Tiếp tục đầu tư ngân sách xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị trường học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.

Rà soát lại hệ thống trường học và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, đặc biệt là diện tích đất để xây dựng trường chuẩn quốc gia (đối với các quận) và trang thiết bị phục vụ dạy - học (đối với các huyện):

Đảm bảo các tiêu chuẩn Việt Nam về trường học mầm non, phổ thông.

Xây dựng mô hình trường tiên tiến hội nhập quốc tế. Thành phố Hải Phòng chủ trì phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành liên quan quyết định cơ chế chính sách đảm bảo cho các cơ sở giáo dục đào tạo theo mô hình cung ứng dịch vụ giáo dục chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hải Phòng; cơ chế chính sách liên kết, hợp tác với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để mở rộng các cơ sở và loại hình giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; xây dựng và quyết định chương trình giáo dục và đào tạo nâng cao cho các trường phổ thông theo hướng hội nhập quốc tế.

Mời chuyên gia, cử CBQLGD giỏi sang các quốc gia có nền giáo dục hiện đại để nghiên cứu thiết kế mô hình trường phù hợp với thành phố Hải Phòng.

5. Nhóm giải pháp đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực để phát triển giáo dục. Xây dựng mạng lưới hỗ trợ phát triển giáo dục giữa cộng đồng với nhà trường và giữa các nhà trường để thực hiện giáo dục toàn diện học sinh.

Đổi mới chính sách tài chính, từng bước thực hiện tự chủ của các cơ sở giáo dục theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Huy động mọi nguồn lực từ Nhà nước, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, cá nhân người học và tài trợ quốc tế cho giáo dục và đào tạo, trong đó chú trọng phát triển các trường ngoài công lập.

Ưu tiên cho vay vốn tín dụng ưu đãi để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân xây dựng trường ngoài công lập.

Thể chế hóa vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của cộng đồng, tổ chức, cá nhân, gia đình trong giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục. Công khai hóa mọi quy trình, thủ tục trong quản lý hệ thống giáo dục và ở mỗi cơ sở giáo dục để mỗi người dân và toàn xã hội tham gia giám sát, đánh giá giáo dục. Đa dạng hóa nguồn lực thực hiện giáo dục có chất lượng ở các cấp học và trình độ đào tạo. Đảm bảo tỷ lệ đầu tư cho giáo dục trong tổng chi ngân sách nhà nước lên trên 20%, trong đó tập trung ưu tiên cho giáo dục phổ cập, giáo dục ở những vùng khó khăn và hỗ trợ tài chính cho những học sinh thuộc các nhóm khó khăn và các nhóm được hưởng chính sách ưu tiên.

Xây dựng khung học phí trình Hội đồng nhân dân thành phố để thực hiện lộ trình theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Xây dựng chế độ chính sách đãi ngộ đối với học sinh giỏi đi học tập các trường Đại học trong nước, nước ngoài; các học sinh, sinh viên người Hải Phòng đã đạt giải quốc gia, quốc tế có cam kết về phục vụ thành phố.

Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND ngày 25/7/2013 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế, chính sách xã hội hóa giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2013-2016, định hướng đến 2020.

Huy động vốn xã hội hóa trong xây dựng mới trường mầm non, phổ thông ngoài công lập giai đoạn 2016-2030: Tổng huy động vốn xã hội hóa trong xây dựng mới trường mầm non, phổ thông, liên cấp quốc tế ngoài công lập là 4.970 tỷ đồng. Trong đó mầm non là 3.200 tỷ đồng; tiểu học là 180 tỷ đồng; THCS là 210 tỷ đồng; THPT là 510 tỷ đồng; liên cấp quốc tế là 370 tỷ đồng.

Thực hiện cơ chế chia sẻ chi phí giáo dục hợp lý giữa nhà nước, người học và các thành phần xã hội. Đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập, ngân sách nhà nước là nguồn tài chính chủ yếu để đảm bảo chi phí của quá trình giáo dục. Đối với giáo dục phổ thông theo yêu cầu chất lượng cao, giáo dục nghề nghiệp, người học có trách nhiệm chia sẻ một phần quan trọng chi phí đào tạo.

Triển khai các chính sách hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục ngoài công lập, trước hết về đất đai, thuế và vốn vay. Khuyến khích và bảo hộ các quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư cho giáo dục, mở các cơ sở giáo dục chất lượng cao.

Tăng cường chất lượng xây dựng kế hoạch phối hợp có hiệu quả 3 môi trường giáo dục: Nhà trường - Gia đình - Xã hội. Phát huy các nguồn lực xã hội cùng tham gia các hoạt động giáo dục. Nâng cao nhận thức của nhân dân về quan điểm của Đảng và Nhà nước *“Giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển”*. Biến nhận thức đó thành hành động cụ thể đi vào cuộc sống của từng gia đình *“Giáo dục là gia sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển bền vững của từng gia đình, dòng họ”*. Giáo dục và đào tạo không chỉ là trách nhiệm của Đảng và Nhà nước mà giáo dục và đào tạo phải là của dân, do dân và vì dân.

Củng cố và phát huy hiệu quả hoạt động các tổ chức *“Hội khuyến học”*; *“Hội cựu giáo chức”* cấp quận, huyện, phường, xã, thị trấn.

Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng, xây dựng xã hội học tập, có chính sách hỗ trợ người học.

Thí điểm chuyển một số trường công lập ở khu vực có điều kiện kinh tế phát triển phát triển sang trường công lập tự chủ theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP và hoạt động theo mô hình cung ứng dịch vụ giáo dục chất lượng cao. Tăng cường tuyên truyền chủ trương xã hội hóa của Đảng, Nhà nước và quảng bá các hoạt động của ngành để tiếp nhận các đóng góp của nhân dân tham gia vào công tác giáo dục.

Kêu gọi và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư phát triển xây

dựng các trường ngoài công lập, dạy nghề trên địa bàn.

Xây dựng quy định cụ thể của Ủy ban nhân dân thành phố về xây dựng mạng lưới hỗ trợ giáo dục, hệ thống giáo dục mở, quy định rõ trách nhiệm của nhà trường trong phối hợp giáo dục toàn diện học sinh. Ngành giáo dục và đào tạo thành phố xây dựng chương trình giáo dục toàn diện mang tính định hướng phát triển người học sinh thành phố Hải Phòng thanh lịch - văn minh. Mỗi trường học phải xây dựng chương trình phù hợp với điều kiện từng địa phương, khai thác tối đa điều kiện văn hóa - lịch sử,... cụ thể của địa phương. Các cơ sở hỗ trợ giáo dục (Cung Văn hóa/ thể thao, trường đại học, Bảo tàng,...) có trách nhiệm hỗ trợ các trường trong giáo dục toàn diện học sinh.

Tăng cường các nguồn lực hỗ trợ đối với các đối tượng khó khăn. Triển khai thực hiện cơ chế học bổng, học phí, tín dụng cho học sinh, sinh viên thuộc diện chính sách xã hội; hỗ trợ giáo dục đặc biệt cho người khuyết tật, trẻ em các dân tộc rất ít người, trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS và trẻ em lang thang đường phố; cấp học bổng cho các học sinh, sinh viên xuất sắc.

6. Nhóm giải pháp mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo

Đẩy mạnh quá trình hội nhập với các trào lưu đổi mới mạnh mẽ trong giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu, nhanh chóng tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục hiện đại, tận dụng các kinh nghiệm quốc tế để đổi mới và phát triển giáo dục và đào tạo. Tăng đầu tư của các nước, các tổ chức quốc tế và các doanh nghiệp nước ngoài cho giáo dục, tăng nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo nghề, tạo thời cơ để phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng.

Phát hiện, khai thác, tận dụng triệt để các nguồn học bổng để gửi các giáo viên, giảng viên, cán bộ nghiên cứu... đi đào tạo, thực tập, nghiên cứu ở nước ngoài nhằm nâng cao trình độ, chất lượng nhà giáo và CBQLGD.

Có chính sách thu hút các nhà giáo, các nhà khoa học trong nước và quốc tế đến giảng dạy và nghiên cứu khoa học ở các trường học của thành phố.

Tạo cơ chế hấp dẫn để các nhà đầu tư xây dựng trường, phát triển các trường quốc tế.

Khuyến khích các cơ sở giáo dục của thành phố mở rộng, đa dạng hoá các hình thức hợp tác quốc tế với các cơ sở giáo dục, tổ chức giáo dục ở các quốc gia có bản ngữ hoặc ngôn ngữ quốc gia phù hợp với việc dạy và học ngoại ngữ ở thành phố Hải Phòng.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư, tài trợ cho giáo dục, tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ góp phần đổi mới giáo dục ở thành phố Hải Phòng.

Tạo cơ hội phát triển đồng thời tăng cường quản lý nhà nước về giáo dục đối với loại hình trường, các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài. Ưu tiên đầu tư cho các trường chất lượng cao và phát triển dạy và học ngoại ngữ trong các nhà trường; tăng cường giao lưu với các trường học quốc tế để học sinh phát triển khả năng Tiếng Anh và tiếng nước ngoài.